

**TOÀ ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN Đ
TỈNH GIA LAI**

**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 13/2020/DS-ST

Ngày 18/8/2020

V/v Tranh chấp hợp đồng vay tài sản”.

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN Đ, TỈNH GIA LAI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: ông Lại Hùng Hưng;

Các Hội thẩm nhân dân: ông Phạm Văn Miên và ông Lê Đình Hưng.

Thư ký phiên tòa: bà Phạm Thị Thúy – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Đ.

Trong ngày 18/8/2020, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện Đ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 10/2020/TLST-DS ngày 16 tháng 4 năm 2020 về việc “Tranh chấp hợp đồng vay tài sản” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 11/2020/QĐXXST-DS ngày 06 tháng 7 năm 2020 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Đào Thị Ngọc L, địa chỉ: Làng Ó, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Bị đơn:* Bà Giáp Hồng N, địa chỉ: làng Ó, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai (có mặt).

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* ông Hồ Minh T (là chồng của nguyên đơn), địa chỉ: Làng Ó, xã Ia D, huyện Đ, tỉnh Gia Lai; đã ủy quyền cho nguyên đơn tham gia tố tụng (theo Văn bản ủy quyền được công chứng ngày 07/5/2020).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

* Trong đơn khởi kiện, trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn, bà Đào Thị Ngọc L trình bày:

Chồng bà tên Hồ Minh T.

Ngày 29/5/2019 bà cho bà Giáp Hồng N vay 70.000.000 đồng. Việc cho vay được lập thành giấy viết tay, do bà N viết. Hạn trả nợ ngày 01/6/2019.

Tuy nhiên, quá thời hạn trả nợ nhưng bà N vẫn không trả khoản tiền nào.

Khoản tiền cho vay là tài sản chung của vợ chồng bà.

Bà L thừa nhận, ngoài khoản nợ ngày 29/5/2019, bà N không còn nợ bà khoản nợ nào khác.

Bà L yêu cầu bà N trả cho vợ chồng bà 70.000.000 đồng (bảy mươi triệu đồng) nợ gốc và tiền lãi chậm trả đối với số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/6/2019 cho đến khi Tòa án xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

* Trong quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, bà Giáp Hồng N trình bày: Bà có quan hệ quen biết với bà Đào Thị Ngọc L. Trước đó, bà có vay tiền của bà L nhưng đã trả xong.

Bà thừa nhận vào ngày 29/5/2019, bà có vay của bà Đào Thị Ngọc L 70.000.000 đồng. Hạn trả nợ ngày 01/6/2019. Giấy vay tiền do bà viết. Đến nay, bà chưa trả cho bà L khoản tiền nào.

Ngoài khoản nợ ngày 29/5/2019, bà không còn nợ bà L khoản nợ nào khác.

Vì hiện tại, hoàn cảnh gia đình bà khó khăn. Bà đề nghị trả cho bà L mỗi tháng từ 500.000 đồng đến 1.000.000 đồng, tính từ đầu năm 2021 cho đến khi trả hết nợ.

* Vụ án không thuộc trường hợp Viện kiểm sát nhân dân phải tham gia phiên tòa nên không có ý kiến của Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Bà Đào Thị Ngọc L khởi kiện bà Giáp Hồng N tranh chấp hợp đồng vay tài sản. Bà L là người có quyền khởi kiện theo quy định tại khoản 3 Điều 26 của Bộ luật tố tụng dân sự và vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

[2] Bà Đào Thị Ngọc L yêu cầu yêu cầu bà Giáp Hồng N trả cho vợ chồng bà 70.000.000 đồng nợ gốc và tiền lãi chậm trả nợ của số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/6/2019 cho đến khi xét xử sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bà L cung cấp chứng cứ là 01 Bản gốc “Giấy vay tiền” đề ngày 29/5/2019 (bút lục số 09) có thể hiện nội dung: bà Giáp Thị N vay của bà Đào Thị Ngọc L 70.000.000 đồng, thời hạn trả nợ là ngày 01/6/2019.

Nội dung giấy vay tiền không thể hiện thỏa thuận lãi suất.

[3] Có đủ căn cứ để nhận định: ngày 29/5/2019, bà Giáp Hồng N vay bà Đào Thị Ngọc L 70.000.000đ (bảy mươi triệu đồng); thời hạn vay là 02 ngày. Việc cho vay không thỏa thuận lãi suất.

Vì các bên không thỏa thuận lãi suất nên khi đến hạn trả nợ, bên vay không trả nợ nên bên cho vay có quyền yêu cầu trả lãi với mức lãi suất theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015 là 10%/năm, tức là 0,83%/tháng.

Xét yêu cầu khởi kiện của bà L là có căn cứ, cần áp dụng các Điều 466, 468, 688 của Bộ luật dân sự năm 2015, buộc bà N có nghĩa vụ trả cho vợ chồng bà L các khoản sau:

- 70.000.000 đồng nợ gốc;
- Nợ lãi chậm trả nợ của số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (14 tháng, 17 ngày) với mức 0,83%/tháng, thành tiền là: 8.463.233 đồng.

Tổng cộng: 78.463.233 đồng (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

[4] Về án phí: bà Giáp Hồng N phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật để sung quỹ Nhà nước.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ các Điều 357, 463, 466, 468, 470 của Bộ luật dân sự năm 2015; các Điều 144, 147, 266, 271, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự; Điều 26 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, tuyên xử:

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Đào Thị Ngọc L.

1. Buộc bà Giáp Hồng N trả cho bà Đào Thị Ngọc L, ông Hồ Minh T khoản nợ theo giấy vay tiền ngày 29/5/2019 gồm các khoản sau:

- 70.000.000 đồng nợ gốc;

- Nợ lãi chậm trả nợ của số tiền nợ gốc tính từ ngày 01/6/2019 đến ngày xét xử sơ thẩm (14 tháng, 17 ngày) với mức 0,83%/tháng, thành tiền là: 8.463.233 đồng.

Tổng cộng: 78.463.233 đồng (bảy mươi tám triệu bốn trăm sáu mươi ba ngàn hai trăm ba mươi ba đồng).

2. Về án phí: Buộc bà Giáp Hồng N chịu 3.923.162 đồng (ba triệu chín trăm hai mươi ba ngàn một trăm sáu mươi hai đồng) án phí án phí dân sự sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước.

Bà Đào Thị Ngọc L không phải chịu án phí, trả lại cho bà L 2.000.000 đồng (hai triệu đồng) tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số 0002500 ngày 16/4/2020 của Chi cục Thi hành án huyện Đ, tỉnh Gia Lai.

3. Về các vấn đề khác:

Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo trình tự phúc thẩm theo quy định của pháp luật. Thời hạn kháng cáo của đương sự có mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày tuyên án, của đương sự vắng mặt tại phiên tòa là 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc từ ngày kể từ ngày bản án được niêm yết theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự.

Kể từ ngày tuyên án sơ thẩm cho đến khi thi hành án xong, hàng tháng, người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án tương ứng với thời gian chậm thi hành án. Lãi suất chậm thi hành án được xác định theo thỏa thuận của các bên nhưng không được vượt quá mức lãi suất được quy định tại khoản 1 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015; Nếu không thỏa thuận thì thực hiện theo quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015

Trường hợp Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TA tỉnh;
- VKS;
- CCTHADS;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Lại Hùng Hưng